

Mâu thuẫn đất đai và quan hệ dân tộc ở vùng Đông Bắc từ Đổi mới (1986) đến nay

Trần Văn Hà¹

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tranvanha@warecod.org.vn

Nhận ngày 29 tháng 3 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Tóm tắt: Bài viết² cho rằng, phần lớn các mâu thuẫn, tranh chấp xuất phát từ hệ thống luật pháp về đất đai còn chưa phù hợp và cập nhật với đặc thù, bối cảnh kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc trong hơn 3 thập niên Đổi mới. Do đó, việc điều chỉnh pháp luật và chính sách liên quan đến đất đai cần quan tâm đến tập quán truyền thống sử dụng đất của các tộc người. Bản chất các mâu thuẫn là sự xung đột về lợi ích và quan hệ kinh tế giữa các chủ thể sử dụng đất và giữa chính quyền, đơn vị kinh tế nhà nước, doanh nghiệp với các tộc người trong tranh chấp đất đai. Trong nội bộ cộng đồng tộc người hoặc giữa các tộc người thiểu số với nhau, việc tranh chấp đất đai đã tác động đến quyền sử dụng đất và đất rừng của các cộng đồng trong giai đoạn này. Tuy nhiên, quan hệ dân tộc không phải là vấn đề được đặt ra ở đây.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số, Đổi mới, mâu thuẫn đất đai, quan hệ dân tộc, vùng Đông Bắc.

Phân loại ngành: Nhân học

Abstract: The paper argues that most of the conflicts and disputes stem from the fact that the legal system on land has not been appropriate and updated in line with the socio-economic characteristics and context of ethnic minorities living in Vietnam's northeastern region over the past more than three decades since the *đổi mới*, or renovation, process began. Therefore, the adjustment of land-related laws and policies should be made with attention paid to the traditional customs of land use of the ethnic groups. The nature of the conflicts is the disagreements of interests and economic relations among the land users, and between the government, state-owned economic units, enterprises and the ethnic groups in the land dispute. Within the ethnic community or among ethnic minorities, land disputes have affected the rights to use land and forest land of the communities during the period. However, ethnic relations are not the issue raised here.

Keywords: Ethnic minorities, *đổi mới*, land conflicts, ethnic relations, [Vietnam's] northeastern region.

Subject classification: Anthropology

1. Mở đầu

Bằng sự đột phá về chính sách đất đai, công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (năm 1986) đã tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ đối với nền kinh tế ở nông thôn miền núi, nhưng đi cùng với đó là những mâu thuẫn, tranh chấp đất đai tại các cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS). Ở vùng Đông Bắc, diễn ra mâu thuẫn giữa các chủ thể sử dụng đất với nhau và giữa chính quyền với người dân từ khi thực hiện chính sách giao khoán đất đai, nhất là với hộ gia đình và cá nhân những năm đầu thập niên 1990. Tuy nhiên, đến khi Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2007/NĐ-CP (Chính phủ, 2007), trong đó có chuyển đổi đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp với sự thay đổi tương ứng về người sử dụng đất, thì xuất hiện những mâu thuẫn mới giữa cơ quan thực thi pháp luật về chính sách đất đai, chính quyền cơ sở với người dân, cộng đồng; giữa người dân, cộng đồng và các chủ đầu tư, dự án trong chuyển đổi, thu hồi đất đai.

Nghiên cứu này thực hiện tại một số cộng đồng người Tày, Nùng, Hmông, Dao ở bốn tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng và Hà Giang trong các năm 2018, 2019. Qua đó, tìm hiểu bản chất của mối quan hệ dân tộc trong những mâu thuẫn liên quan đến quyền hưởng dụng đất tại các cộng đồng dân tộc vùng Đông Bắc Việt Nam kể từ Đổi mới đến thời điểm nghiên cứu (năm 2019).

2. Sự thay đổi về chủ thể quản lý và hình thức sử dụng đất đai ở vùng Đông Bắc từ Đổi mới đến nay

Đông Bắc là vùng lãnh thổ rộng lớn của Việt Nam, gồm 11 tỉnh miền núi về phía tả

ngạn sông Hồng, diện tích tự nhiên gần 64.025,2 km² (chiếm 19,3% diện tích của Việt Nam³) (Nguyễn Ngọc Khánh và Nông Quốc Chính, 2007). Nhờ những thuận lợi về điều kiện địa lý tự nhiên và lợi thế địa chính trị, địa kinh tế, nên vùng Đông Bắc rất có thể mạnh về phát triển kinh tế và hội nhập cũng như giao lưu văn hóa với các vùng trong nước và bên ngoài quốc gia, nhất là từ Đổi mới. Nguồn tài nguyên xã hội và nhân văn vùng Đông Bắc thể hiện sự đa dạng văn hóa tộc người. Các tỉnh của địa bàn có 8.282.747 người, chiếm 9,65% dân số cả nước, với 40 tộc người cư trú; trong đó, đông nhất là các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, và cũng có các dân tộc rất ít người, như: Pu Páo, Lô Lô (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2009). Đất rừng của vùng Đông Bắc năm 2019, chiếm 21,3% diện tích rừng cả nước với 3.925.225 ha (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2020). Đất nông nghiệp cùng với đất rừng là nguồn lực quan trọng gắn liền với hoạt động sinh kế, đời sống xã hội và văn hóa của các cộng đồng dân tộc nơi đây. Bên cạnh phần lớn là diện tích đất đồi, núi, địa thế dốc, đất thung lũng nhỏ hẹp và các bãi bồi ven sông, suối ít, vùng Đông Bắc cũng có những cánh đồng rộng lớn như: cao nguyên Bắc Hà, Đồng Văn, Thất Khê, Mai Pha, Quảng An, Quảng Hà...

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong xã hội truyền thống của các tộc người như: Dao, Lô Lô, Cao Lan - Sán Chỉ... ở vùng cao Đông Bắc Việt Nam, chế độ tư hữu ruộng đất chưa phát triển, đa số ruộng đất tập trung vào quyền sở hữu của chúa đất là thổ ty, nông dân chưa có khái niệm về ruộng đất của mình. Song, ở vùng thấp của các dân tộc Tày, Nùng, ruộng đất tư khá phát triển, đa số nông dân ít hoặc nhiều đều

có ruộng đất. Những đất đai này (chủ yếu là ruộng) do cha ông họ để lại từ khai hoang hoặc mua bán mà có.

Cuộc cải cách dân chủ kết hợp với vận động hợp tác hóa ở miền núi Đông Bắc vào những năm cuối thập niên 1950, đầu thập niên 1960 đã tạo ra sự thay đổi kinh tế - xã hội không triệt để, còn tồn tại nhiều vấn đề liên quan đến sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa vùng thấp và vùng cao. Mục tiêu cuộc cải cách dân chủ miền núi này không được thực hiện cụ thể, khách quan do chưa đánh giá đầy đủ, rõ ràng đặc điểm địa lý, dân cư và xuất phát điểm kinh tế - xã hội của các dân tộc khi công hữu hóa tư liệu sản xuất và vận động họ vào sản xuất tập thể hợp tác xã. Đây chính là vấn đề lớn gây nhức nhối. Tuy nhiên, chiến tranh và sự bao cấp của Nhà nước trích từ nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế đã che mờ sự kém hiệu quả của hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo mô hình cũ. Trước yêu cầu của dân tộc và xu thế phát triển của thế giới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam (tháng 12/1986) đã có nhận thức lại một loạt quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội, qua đó đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Trong quá trình đổi mới, nhiều cải cách thể chế được thực hiện với các mốc có tính bước ngoặt để phát triển nông nghiệp, nông thôn: Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 5/4/1988 về Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (gọi tắt là Khoán 10). Từ đây, ruộng đất của tập thể hợp tác xã nông nghiệp đã được giao lại cho hộ gia đình và cá nhân sản xuất. Đổi mới đã đáp ứng đúng nguyện vọng của đông đảo quần chúng nông dân, tạo nên động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển khá liên tục của nông nghiệp và nông

thôn. Song, trên thực tế, sau khi Nhà nước ban hành Luật Đất đai năm 1993 (*Luật Đất đai năm 1993*) thì đất đai mới có giá trị hàng hóa so với trước đó. Còn Luật Đất đai lần thứ nhất (năm 1987) chỉ quy định quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân được bảo đảm, nhưng tất cả các giao dịch đất đai đều thực hiện theo quyết định của Nhà nước, đất không có giá trị, thị trường đất đai chưa được công nhận (Luật Đất đai của Quốc hội số 3-LCT/HĐNN8, ngày 29/12/1987). Luật Đất đai năm 2003 ra đời khi Việt Nam tập trung vào phát triển công nghiệp hóa, đạt mức đóng góp của công nghiệp là 42% và dịch vụ là 38% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) (năm 2007) (Ngân hàng Thế giới, 2009). Kể từ đó vấn đề chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp tại các vùng, miền luôn là vấn đề cấp thiết đối với việc phát triển xã hội và quản lý sự phát triển ở Việt Nam.

Pháp luật và chính sách đất đai những năm tiếp sau đó đã thường xuyên được bổ sung, điều chỉnh mới để tìm ra những giải pháp hữu hiệu phù hợp giữa lý tưởng xã hội chủ nghĩa về sở hữu đất đai với những yêu cầu và áp lực của một nền kinh tế thị trường hiện đại đang nổi lên. Trên cơ sở đó, cần xác định lại và chính xác hóa mối quan hệ giữa đất đai, con người, nhà đầu tư và Nhà nước (Ngân hàng Thế giới, 2009). Từ hơn 10 năm trước, mặc dù Nhà nước thường xuyên điều chỉnh khung luật pháp để hoàn thiện lĩnh vực quản lý đất đai, nhưng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được hơn 30.000 đơn tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của người dân từ năm 2003-2006. Số lượng khiếu kiện tăng đều đặn và sự không vừa lòng của những người bị ảnh hưởng cũng như của nhà đầu tư chứng tỏ sự cần thiết của việc tiếp tục làm rõ ranh mạch và

chi tiết đối với các quy định của pháp luật về đất đai (Đặng Hùng Võ, 2008).

Ở các DTTS vùng Đông Bắc, từ năm 2000 đến nay, đất đai luôn là vấn đề nóng từ cộng đồng thôn bản, đến các cấp xã, huyện, tỉnh. Trên thực tế, những vấn đề của quá khứ đã khiến cho đất đai, nhất là ở vùng DTTS có vị trí độc lập đối với hệ thống quan hệ xã hội. Thực tế là “Trong hệ thống sinh thái nhân văn với sự phân hệ giữa hai hệ thống: xã hội và sinh thái, đất đai có liên quan đến hệ thống sinh thái, còn huyết thống lại có mối tương quan mật thiết đến hệ thống xã hội. Bởi vì, sự tương tác giữa chúng không phải là phép cộng đơn thuần giữa các thuộc tính của hai phân hệ này mà là sự thống nhất hữu cơ biến chúng trong hệ sinh thái nhân văn phục vụ cho một sự quan tâm thống nhất, cùng mục đích và chiến lược hoạt động” (Chính phủ, 2007). Do vậy, việc quản lý, sử dụng đất đai của các dân tộc ở miền núi Việt Nam nói chung và vùng Đông Bắc nói riêng có nét chung so với vùng đồng bằng, song, cũng có nét đặc thù, khác biệt do chiếm hữu đất đai truyền thống và văn hóa tộc người còn chi phối mạnh đến sự phát triển xã hội.

3. Mâu thuẫn đất đai và màu sắc của xung đột tộc người

3.1. Phong trào “đòi đất ông cha”

Việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 5/4/1988 (hay còn gọi là Khoán 10), về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp là “cú hích” mạnh mẽ cho sản xuất nông nghiệp. Nông dân có nguyện vọng muốn trở lại sản xuất ở đất ruộng, nương của hộ gia đình 30 năm trước đã

công hữu hóa cho hợp tác xã nông nghiệp (người dân sở tại thường gọi là đất đai của thế hệ cha, ông họ). Song, ruộng đất bị thay đổi quy mô về diện tích trong thời gian từ năm 1961 đến Khoán 10 (năm 1988) do sự chuyển đổi cơ chế quản lý về tổ chức đội sản xuất qua các thời kỳ (hợp tác xã thôn bản: từ 1961-1975), và hợp tác xã toàn xã quy mô lớn (1976-1980). Vì vậy, khi mỗi hộ gia đình muốn lấy lại ruộng đất tư (đất trước khi công hữu hóa, năm 1960), phần lớn không thể phân biệt được ranh giới cũ sau 20 năm. Nơi nào chính quyền địa phương không lưu lại được trích lục đất đai, giấy tờ hoặc hồ sơ của địa phương bị thất lạc trong cuộc chiến tranh biên giới năm 1979, nơi đó sẽ tạo nên sự tranh chấp đất đai và những mâu thuẫn lớn giữa các hộ gia đình trong cộng đồng địa phương, hay các nhóm tộc người⁴. Có 3 loại mâu thuẫn đất đai ở các cộng đồng dân tộc vùng Đông Bắc ở thời kỳ này như sau:

Thứ nhất, mâu thuẫn giữa cộng đồng sở tại (Tày, Nùng) với người Kinh các tỉnh đồng bằng sông Hồng lên khai hoang, phát triển kinh tế miền núi (1961-1963). Mặc dù người Kinh sống xen ghép trong cùng thôn, bản sau 20 năm với các hộ dân tộc Tày, Nùng tại chỗ, cùng sản xuất, xây dựng cuộc sống, có quan hệ hôn nhân giữa các dân tộc với những gia đình hỗn hợp tộc người, song, khi xáo trộn về đất đai, việc tranh chấp, phân chia ruộng theo chính sách mới lại gây nên bức xúc trong quan hệ nội bộ gia đình của các dân tộc Tày, Nùng hơn là giữa người Kinh và người Tày, Nùng. Nghiên cứu của Nguyễn Phương Thảo (Nguyễn Phương Thảo, 2018) tại Hà Giang cho thấy, khi xuất hiện hiện tượng một số gia đình người Tày đòi đất, người Kinh ở đó đã tự bảo vệ mình dựa trên chủ trương

chính sách của Nhà nước và chỉ thị của tỉnh ủy Hà Giang. Cho dù có xảy ra mâu thuẫn ở một vài gia đình nhưng đã được giải quyết bằng luật pháp. Ngoài nghiên cứu trên, từ trước đến nay ít có tài liệu nào đề cập đến xung đột giữa người Tày, Nùng với người Kinh trong phong trào “đòi đất cha ông” những năm 1990.

Thứ hai, mâu thuẫn giữa người dân tại chỗ với người dân vùng cao. Các nhóm dân tộc ở vùng cao đã thực hiện chính sách định canh, định cư của Chính phủ từ năm 1968, được các dân tộc tại chỗ vùng thấp nhường ruộng đất cho sản xuất (Dao, Lô Lô, Hmông, Giáy...). Đến thời gian này, khi hợp tác xã tan vỡ, các hộ dân tộc Tày, Nùng đòi lại đất cũ của gia đình, cha ông họ từ đất của tập thể, nên các hộ dân tộc thuộc diện định canh, định cư này mất đất sản xuất. Thực tế cho thấy, nơi nào chính quyền địa phương thực hiện khoán, giao đất linh hoạt đáp ứng tình hình thực tế từng vùng (rẻo giữa, vùng cao) nhưng vẫn đảm bảo sự công bằng xã hội, thì vấn đề mâu thuẫn ruộng đất không đặt ra (Trần Văn Hà, 1999). Khi kinh tế hợp tác xã tan vỡ, quan hệ ruộng đất cũng tác động đến các chính sách và quan hệ dân tộc ở từng nơi cũng khác nhau. Tại các điểm nghiên cứu người Dao ở Tân Dân (Hoàn Bồ, Quảng Ninh), Mẫu Sơn (Lộc Bình, Lạng Sơn), đất rừng và đất khai hoang của cộng đồng khi hợp tác xã được thành lập theo chính sách định canh, định cư, không nảy sinh việc đòi đất. Song, tại Mẫu Sơn, đất của người Tày ở bản Trà Ký (Hữu Khánh, Lộc Bình) khi giao lại cho hợp tác xã ở người Dao Mẫu Sơn, năm 1989, lại bị các hộ gia đình này đòi lại ruộng đất của cha ông họ. Thời gian này, các hộ người Dao ở Mẫu Sơn không còn đất ruộng được chia để canh tác mà phải dựa

vào đất rừng. Tình hình tương tự cũng diễn ra ở bản Tổng Ấc, xã Lý Bôn, tỉnh Cao Bằng. Số hộ có ruộng đất công hữu (năm 1961) đã được các hộ gia đình đòi lại vào năm 1988 là 42 ha. Nghiên cứu của Castella và Đặng Đình Quang cũng cho thấy, hầu hết các hộ gia đình người Dao ở Bắc Kạn đều trả lại đất cho người Tày (Castella và Đặng Đình Quang - Chủ biên, 2002, tr.57).

Thứ ba, mâu thuẫn giữa những người dân, hộ gia đình cư trú trong cùng thôn bản. Đó là những người thuộc các nhóm xã hội khác nhau như: những người chưa bao giờ rời khỏi cộng đồng lần nào, những người đã từng là cán bộ công chức, viên chức nhà nước, công an, quân đội nay nghỉ hưu, gia đình neo đơn, hộ nghèo, hộ gia đình thương binh, liệt sỹ, những người trước đây có nhiều ruộng... Thực tế này tạo nên mâu thuẫn trong quan hệ do sự phân chia ruộng đất để sản xuất, đảm bảo đời sống.

Năm 1990, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn có quỹ ruộng đất chỉ có 4.500 ha ruộng nước trồng lúa, trong khi có 9.600 hộ gia đình, tính bình quân đầu người về đất ruộng chỉ có 720 m². Do phân bố ruộng đất không đồng đều do địa hình miền núi gồm nhiều mảnh ghép lại, nên giữa các hộ gia đình dân tộc Tày, Nùng ở vùng cao, có hộ chưa có được 1 sào (360 m²). Từ đầu năm 1989 đến giữa năm 1990, toàn huyện Lộc Bình có 189 vụ tranh chấp đất đai trên tổng diện tích 50,2 ha, trong đó, có 69 vụ thuộc phạm vi nội bộ gia đình. Tuy nhiên, số diện tích đất tranh chấp chỉ chiếm 0,34% tổng diện tích đất ruộng toàn huyện, 0,5% số hộ nông dân và bình quân 0,2% ha/ vụ tranh chấp (Bé Viết Đăng - Chủ biên, 1993, tr.180).

Nghiên cứu thực địa của chúng tôi tại bản Thín, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cũng cho thấy rằng, tình hình

tranh chấp đất xảy ra chủ yếu do phân chia ruộng đất giữa những người họ hàng gần với nhau, gồm các thế hệ người Tày trong các xóm. Kết quả điều tra tại bản Thín, diện tích tranh chấp là 34 ha đất nương rẫy sau khi hợp tác xã tan vỡ, gồm các xóm: Khòn Pò có 5 trường hợp/ tổng số 31 hộ tranh chấp đất nương trong nội bộ các con dòng họ Lành và họ Hứa; xóm Khòn Đàng 6 trường hợp tranh chấp/ tổng số 40 hộ của xóm, trong họ hàng gần của họ Hoàng và họ Ma; Khòn Nooc 12 trường hợp/ tổng số 70 hộ, trong dòng họ Hoàng và họ Lành. Hậu quả của những tranh chấp này là quan hệ anh em, họ hàng của một số ít gia đình bị rạn nứt, đến hiện nay vẫn chưa hàn gắn được; hoặc vẫn “bằng mặt mà không bằng lòng”, nhất là đối với thế hệ ngoài 50 tuổi trở lên.

3.2. Tranh chấp về ranh giới và quyền thừa kế

Sau một thời gian thực hiện Khoản 10, trên toàn quốc bắt đầu xuất hiện tình trạng giao đất, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng đất đai trái pháp luật. Giống như tình hình cả nước, địa bàn miền núi Đông Bắc lại rơi vào tình trạng tranh chấp đất đai trên địa giới hành chính. Tại các huyện miền núi các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Hà Giang, việc tranh chấp về địa giới hành chính xã, huyện chủ yếu diễn ra trên các loại đất lâm nghiệp, thổ cư, còn ở cấp tỉnh cũng xảy ra ở các xã giáp ranh với nhau nhưng khác huyện. Để giải quyết tình trạng này, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã có Chỉ thị số 364/CT, ngày 6/11/1991, về việc giải quyết những tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã. Tiếp đến, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng

Chính phủ) đã ban hành Chỉ thị số 77-CT-HĐBT, ngày 9/3/1992, về việc thực hiện một số biện pháp cấp bách để ngăn chặn việc giao đất, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng đất đai trái pháp luật và nêu ra một số biện pháp ngăn chặn tình trạng trên; đồng thời, có một số biện pháp cấp bách để ngăn chặn việc giao đất, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng đất đai trái pháp luật tại các tỉnh. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm luật đất đai, rà soát lại quy hoạch sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị nhà nước, các xã, phường cũng như các văn bản đã ban hành của tỉnh, huyện để quản lý đất đai được thực hiện. Đồng thời, tập hợp lại các văn bản của Nhà nước và tỉnh về quản lý đất đai và cho in ấn làm cơ sở tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân. Trên cơ sở chỉ đạo thực tế, các tỉnh cũng đã kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Luật Đất đai sửa đổi để thực hiện quản lý chặt chẽ và có hiệu quả đất đai. Đa số điểm tranh chấp liên quan đến ranh giới giữa các bản trong xã, giữa huyện này với huyện khác trong tỉnh. Có những điểm tranh chấp cấp thôn bản thì giữa các xã cùng với các huyện liên quan đứng ra dàn xếp và giải quyết thành công. Theo báo cáo của chính quyền địa phương cấp huyện, chỉ vướng mắc về việc lấy chỉ giới như thế nào làm cơ sở cho ổn định phát triển lâu dài.

Ở cấp độ nhỏ hơn, mâu thuẫn đất đai giữa các gia đình trong thôn, xã chủ yếu liên quan đến tranh chấp đất rừng. Theo báo cáo của các địa phương, các vụ tranh chấp thường liên quan đến ranh giới, sự chồng chéo trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), nguyên nhân chủ yếu là do diện tích, ranh giới trên bản đồ và thực tế có sai sót lớn. Nhiều trường hợp đất đai đang sử dụng lại không có trong GCNQSDĐ của hộ. Những vấn đề này nảy sinh từ năng lực, kinh nghiệm hạn chế

của đội ngũ cán bộ địa phương trong quá trình thực hiện chính sách phân chia, giao đất (Vuong Xuan Tinh and P. Hjemdahl, 1996). Ví dụ: tại xã Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, việc tranh chấp giữa các cá nhân về sự chồng lấn diện tích đất rừng ở cả phạm vi trong nội bộ thôn bản, giữa các thôn bản trong cùng xã và giữa các gia đình của xã Mẫu Sơn với xã Xuất Lễ bên cạnh, chủ yếu là giữa các gia đình người Dao trong cùng địa phương. Nhìn chung, những tranh chấp về ranh giới này cơ bản được tổ hòa giải cấp thôn, hoặc đưa đến xã giải quyết. Rất ít trường hợp tranh chấp đất đai phải chuyển lên tòa án huyện hay tòa án cấp tỉnh thụ lý để xử lý.

Tình trạng tranh chấp giữa các hộ gia đình chủ yếu là mâu thuẫn trong nội bộ giữa anh em ruột của một số gia đình về quyền lợi và phân chia tài sản đất đai, nhất là đất rừng sản xuất, nơi trồng những cây có giá trị kinh tế (được chuyển từ nương canh tác cũ sang đất lâm nghiệp). Những trường hợp này ở người Dao xã Tân Dân, huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh là những ví dụ điển hình. Do tính chất là tranh chấp liên quan tới thừa kế nên các gia đình thường tự hòa giải với sự chứng kiến của chi bộ thôn. Tranh chấp nào không thể hòa giải nội bộ gia đình, Đảng và chính quyền các cấp mới phải vào cuộc và kết quả là tranh chấp được giải quyết bằng pháp lý nhưng tình cảm anh em vốn có sẽ bị tổn thương.

3.3. Tranh chấp giữa chính quyền địa phương, các hộ gia đình và nông, lâm trường

Tình hình quản lý đất nông, lâm trường quốc doanh cũng là một vấn đề nổi lên ở vùng DTTS sau Đổi mới. Mặc dù, các nông, lâm trường đang quản lý một lượng diện tích đất rất lớn ở vùng miền núi và dân

tộc vùng Đông Bắc, nhưng trên thực tế hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh yêu cầu “đất của nông, lâm trường bị lấn chiếm thì phải thu hồi” và đánh giá, rà soát khả năng quản lý sử dụng đất, giao trả một phần diện tích đất cho địa phương để cân đối nhu cầu của người dân. Song, trong thời gian gần 10 năm, nhiều nông, lâm trường quốc doanh không thực hiện điều này do buông lỏng quản lý, tự ý cho thuê, cho mượn và để đất sản xuất bị lấn chiếm. Việc xử lý hiện trạng đối với các chủ thể cho thuê đất quá phức tạp cả về pháp lý và quan hệ.

Tại tỉnh Quảng Ninh, Nông trường Đông Triều đã cho hộ gia đình người địa phương mượn đất sản xuất với diện tích lớn không có hợp đồng và quy định nào, trong thời gian dài buông lỏng quản lý và không đánh giá hiệu quả đối với đất đai cho thuê. Tại nông trường Đình Lập, lâm trường Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, do buông lỏng quản lý, hộ gia đình ở địa phương đã lấy lý do mượn đất rồi lấn chiếm đất của các đơn vị này để canh tác, trồng cây keo, cây thông. Tại các xã Tú Đoạn, Hữu Khánh, Khuất Xá của Lộc Bình, các hộ gia đình lấn chiếm đất của lâm trường Lộc Bình để trồng thông, đến năm 2018 đã có 5 năm thu hoạch nhựa. Việc tranh chấp đất sau phân giới lại giữa các huyện, xã đã châm ngòi cho những vụ khiếu kiện giữa các hộ gia đình người Dao (xã Mẫu Sơn) với các hộ Tày, Nùng (xã Khuất Xá) về vấn đề đền bù cây lâu năm thuộc đất lâm trường Lộc Bình quản lý và đã không dừng ở cấp huyện xử lý mà phải chuyển lên các sở và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh. Đến năm 2019, tại xã Tú Mịch, việc xung đột về đất đai của Lâm trường

Lộc Bình vẫn chưa kết thúc. Theo thống kê của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, chỉ trong tháng 5/2019, một số hộ dân thuộc 2 thôn: Nà Tùng (xã Nam Quan) và Bản Luồng (xã Tú Mịch) đã gây ra 7 vụ cản trở công nhân của công ty cải tạo đất; đồng thời, phá nhỏ rừng trồng mới của doanh nghiệp với diện tích lên tới hơn 10 ha rừng bạch đàn trồng mới và phá hủy gần 1.000 túi khai thác nhựa thông (Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Lạng Sơn, 2017).

Cuộc “chiến” giành đất do nông, lâm trường quốc doanh quản lý nhưng bỏ hoang đã lan rộng ở hầu hết các tỉnh miền núi vùng Đông Bắc. Trong bối cảnh các hộ gia đình, các dân tộc thiếu đất sản xuất để mưu sinh và phát triển kinh tế thì tài nguyên đất tại các nông, lâm trường quốc doanh lại bị bỏ hoang. Do công tác quản lý đất đai của các nông, lâm trường quốc doanh dưới sự chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn để xảy ra tranh chấp nên để giải quyết các tranh chấp cần có sự xem xét, tính toán lại về vai trò và phương thức hoạt động của các đơn vị này từ phía Nhà nước.

3.4. Mâu thuẫn do chính sách chuyển đổi, thu hồi đất

Từ 2010-2017, ở các tỉnh vùng Đông Bắc, tình hình phát triển kinh tế - xã hội đang vận động theo xu thế mở cửa, hội nhập với các vùng miền trong nước và quốc tế. Sự thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và hoạt động xuất nhập khẩu tăng mạnh qua từng năm, nhất là từ 2013-2017 ở hai tỉnh: Quảng Ninh và Lạng Sơn. Việc sử dụng tài nguyên đất được coi là lợi thế của các địa

phương (30% góp vốn đối với các dự án FDI) dựa trên hai loại đất chính là nông nghiệp và đất rừng, trong đó, chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp. Song, do đặc điểm đất nông nghiệp của vùng Đông Bắc là rất đa dạng về địa hình và thành phần thổ nhưỡng, đa phần là đồi núi, đất dốc, thung lũng, soi bãi ven sông, suối nên khi địa phương góp vốn đầu tư bằng nguồn đất đối ứng các dự án FDI thì chỉ có thể chuyển đổi đất nông nghiệp của địa bàn vùng thấp. Hơn nữa, sau Khoản 10, đất nông nghiệp thực hiện theo Luật Đất đai năm 2003 (*Luật Đất đai năm 2003*) đã được giao cho hộ gia đình sử dụng lâu dài, nếu là đất ổn định lâu dài (theo mục 7, Điều 128). Do đó, khi thu hồi đất canh tác của người dân, UBND tỉnh phải thực thi theo điều chỉnh của Luật Đất đai năm 2013 (*Luật Đất đai năm 2013, 2014*) là bồi thường (theo mục 7, Điều 132).

Tuy nhiên, chính sách đền bù khi thu hồi đất (chuyển đổi đất sản xuất), về khía cạnh pháp lý bộc lộ nhiều bất cập, hay thay đổi và chậm hoàn thiện. Luật Đất đai theo từng giai đoạn lịch sử, phát triển của đất nước còn thiếu đồng bộ, chồng chéo, chưa công bằng, khó hiểu và chưa phù hợp với tình hình thực tiễn; trường hợp khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các đối tượng giống nhau về nguồn gốc sử dụng đất, nhưng cơ chế chính sách giữa Luật Đất đai năm 2013 và Luật Đất đai năm 2003 có sự khác nhau. Do đó, kết quả giải quyết khác nhau, dẫn đến phát sinh khiếu nại (Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Lạng Sơn, 2017).

Theo Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn, chỉ trong vòng 2 năm (2016 và 2017), số vụ khiếu nại, tố cáo của người dân trong tỉnh là 425 vụ. Số vụ khiếu nại,

tổ cáo liên quan đến đất đai năm 2016 ở Lạng Sơn có 163 đơn gồm: khiếu nại có 68 đơn (chiếm 50,74%), kiến nghị phản ánh có 57 đơn (chiếm 42,53%). Năm 2017, tổng số đơn thư liên quan đến đất đai nhận được là 262 đơn (chiếm 96,56%), tăng gần 2 lần so với năm 2016. Các đơn thư khiếu kiện năm 2017 liên quan đến đền bù giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp và công trình công cộng. Người dân thường đòi nâng giá đền bù theo thời giá thị trường, bồi hoàn thành quả lao động trên đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư. Từ năm 2016 trở về trước, khiếu nại của người dân liên quan đến các sai sót trong việc giải quyết chưa chính xác, chưa công khai dân chủ của các cơ quan thẩm quyền trong việc triển khai dự án (Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Lạng Sơn, 2017).

Trường hợp xã Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã xảy ra tranh chấp giữa người dân thôn Khuổi Tằng với Công ty cổ phần Núi Tuyết Mẫu Sơn. Công ty này là chủ đầu tư dự án cáp treo khu du lịch Mẫu Sơn. Theo quy hoạch, dự án lấy một phần đất đồi thông của một số hộ trong hai thôn Khuổi Tằng và Khuổi Cáp để xây dựng cáp treo với mức giá đền bù là 20 triệu đồng/ha. Cho đến thời điểm tháng 4/2018, các hộ dân của thôn Khuổi Cáp có đất nằm trong khu vực dự án đã đồng ý nhận đền bù nhưng các hộ dân thôn Khuổi Tằng chưa chấp nhận với mức giá đền bù của công ty. Các hộ dân cho biết, với số lượng cây thông trên 15 năm tuổi (trồng từ những năm 1998 và 2003) đã và đang thu hoạch nhựa hàng hóa, là nguồn sinh kế và thu nhập đáng kể của các hộ. Vì vậy, người dân có đất bị thu hồi có cây thông yêu cầu đền bù bằng cách thức kiểm đếm theo cây

để đảm bảo quyền lợi cũng như sự tương xứng với giá trị và tài sản mà họ đầu tư trong nhiều năm. Mặc dù dự án đã bị tạm dừng và sẽ được giao cho nhà đầu tư khác do nội bộ Công ty Cổ phần Núi Tuyết Mẫu Sơn có mâu thuẫn (Tiến Hoàng, 2018) nhưng thời gian tới, nếu như chủ đầu tư mới không có phương án đền bù hợp lý thì mâu thuẫn đất đai rất có thể sẽ xảy ra và dự án du lịch tham vọng này có nguy cơ khó thực thi.

Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, tình hình phản ứng của người dân tại một số điểm ở tỉnh Quảng Ninh đối với dự án triển khai liên quan đến thu hồi, chuyển đổi đất cũng có diễn biến phức tạp. Từ tháng 1-2/2017, Ban Tiếp công dân của các địa phương trong tỉnh đã tiếp nhận 105 vụ việc khiếu nại, tố cáo của người dân (trong đó có 4 đơn khiếu nại ký tên nhiều người). Các vụ việc khiếu nại chủ yếu liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh như: đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, dự án mở rộng đường quốc lộ 18A, đoạn đường Cẩm Phả - Mông Dương, trong đó có dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái. Năm 2016, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh đã tiếp nhận và xử lý 29 lượt đơn thư của công dân vùng dân tộc và miền núi kiến nghị, khiếu nại về việc thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, tranh chấp đất đai (tăng 15 đơn thư so với năm 2015 đơn khiếu nại: 1; tố cáo: 4; phản ánh, kiến nghị: 24; trong đó, có 13 đơn, thư đồng người cùng ký tên (Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Ninh, 2017).

Theo đánh giá của các Sở Tài nguyên & Môi trường hai tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh, trường hợp khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các đối tượng giống nhau về nguồn gốc sử dụng đất,

nhưng giữa Luật Đất đai năm 2013 và Luật Đất đai năm 2003 (Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Ninh, 2017); (Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Lạng Sơn, 2017) có sự khác nhau. Vì thế, kết quả giải quyết khác nhau, dẫn đến người dân khiếu nại. Quá trình thực hiện thu hồi đất ở một số địa phương chưa đúng trình tự, thủ tục, thiếu công khai, dân chủ ở cấp cơ sở. Có một số dự án thu hồi đất sản xuất của người dân nhưng không sử dụng hợp lý, đã bỏ hoang gây lãng phí, trong khi nông dân thiếu đất sản xuất, dẫn đến bức xúc, phát sinh khiếu nại hoặc một số người có hành vi vi phạm pháp luật.

Từ chiều cạnh pháp lý, trình tự, thủ tục thực hiện trong pháp luật về chính sách chuyển đổi, thu hồi đất đai do Nhà nước ban hành là thống nhất áp dụng cho cả nước và các dự án đầu tư tại Việt Nam. Tuy vậy, tại các tỉnh có các DTTS như Lạng Sơn và Quảng Ninh, việc thực thi chính sách hiện hành trong thu hồi và bồi thường đất đai đều chưa phù hợp với đặc thù hoàn cảnh kinh tế - xã hội, đặc điểm phát triển và tập quán sử dụng đất của các dân tộc. Ban Bồi thường, tái định cư thực hiện kiểm kê đất đai, giải quyết tranh chấp chưa thỏa đáng ở những hoàn cảnh, môi trường sống cụ thể của hộ gia đình các dân tộc đã gây nên khiếu nại, tố cáo ở cấp tỉnh, được phản ánh trên phương tiện truyền thông đại chúng.

4. Kết luận

Sự chuyển đổi nền kinh tế từ giữa thập niên 1980 bằng sự đột phá bắt đầu từ vấn đề đất đai nông nghiệp ở nông thôn đã giúp Việt Nam trở thành một trong số quốc gia phát triển kinh tế nhanh của châu Á - Thái Bình Dương. Đất đai là một nguồn lực quan

trọng gắn với nông dân, nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam, vì vậy, giao đất cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng lâu dài là một cách tiếp cận chính sách phù hợp và hiệu quả. Song, trong quá trình Đổi mới, pháp luật về đất đai ở vùng DTTS, tính đặc thù và sự khác biệt so với các vùng khác lại chưa được tính đến.

Những năm đầu Đổi mới, việc tranh chấp, đòi lại đất đai của tổ tiên/ cha ông đã công hữu hóa để phát triển hợp tác xã cho thấy sự yếu kém trong việc quản lý xã hội của chính quyền cơ sở ngay sau khi hợp tác xã giải thể. Hệ thống chính sách đất đai vĩ mô tuy có thay đổi nhưng chưa phù hợp với từng địa phương và vùng DTTS tại chỗ khi giao đất đai cho hộ gia đình, cá nhân để sử dụng lâu dài. Đồng thời, chưa thiết lập được cơ quan quản lý và hệ thống quản lý đất đai. Điều đó đã gây xung đột trong quản lý và sử dụng đất giữa cộng đồng, người dân với nhau, và giữa chính quyền cơ sở với người dân và cộng đồng.

Vấn đề đền bù cho người bị ảnh hưởng khi bị thu hồi đất đai để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội đã tạo cơ hội chuyển đổi sinh kế, góp phần nâng cao đời sống các cộng đồng cư dân và các nhóm dân tộc. Song, hệ thống luật pháp về đất đai còn chưa phù hợp và cập nhật với đặc thù, bối cảnh kinh tế - xã hội, tập quán sử dụng đất của các DTTS. Trình tự, thủ tục thực hiện trong pháp luật, chính sách ban hành thống nhất áp dụng cho các dự án đầu tư chung cả nước, không tính đến đặc thù của địa phương, vùng.

Những mâu thuẫn ở lĩnh vực đất đai tại các địa phương, cộng đồng của các DTTS ở vùng Đông Bắc là sự bất đồng về lợi ích kinh tế, gồm 3 nhóm: giữa các chủ thể sử dụng đất với nhau và giữa chính quyền với người dân ở những năm đầu thập niên

1990; giữa cơ quan thực thi pháp luật về chính sách đất đai, chính quyền cơ sở với người dân, cộng đồng; giữa người dân, cộng đồng và các chủ đầu tư, dự án trong chuyển đổi, thu hồi đất đai từ những năm đầu thập niên 2010. Các nhóm mâu thuẫn đó diễn ra với mức độ, tính chất và phạm vi khác nhau giữa các bên liên quan đã tạo ra xung đột cục bộ tại cấp xã và cộng đồng, giữa các nhóm dân tộc tại chỗ và dân tộc thực hiện chính sách di dân đến vùng kinh tế mới, định canh, định cư của nhà nước. Nhìn bề ngoài, những tranh chấp này là những xung đột tộc người giữa người Tày, Nùng với người Kinh, người Dao; giữa các tộc người địa phương với các nông, lâm trường nhà nước; giữa các tộc người thiểu số với các cơ quan thực thi luật pháp về đất đai và các chủ dự án (phần lớn là người Kinh). Tuy nhiên, nguồn gốc của các xung đột này xuất phát chính từ lợi ích kinh tế, vì vậy, có thể giải quyết bằng các chính sách kinh tế, chính sách đất đai kết hợp với các chính sách dân tộc. Có thể khẳng định rằng, các mâu thuẫn này không dẫn đến các xung đột tộc người nghiêm trọng và chính quyền hoàn toàn có thể giải quyết được bằng các biện pháp kinh tế.

Chú thích

² Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2021 “Biến đổi kinh tế, văn hóa của các dân tộc Tày, Nùng, Dao ở hai tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh (1986-2020)”, Viện Dân tộc học chủ trì.

³ Vùng Đông Bắc gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bắc Giang và Quảng Ninh.

⁴ Tại các xã biên giới ở địa bàn các dân tộc Tày, Nùng, các giấy tờ lưu trữ của địa chính cấp xã

và một số huyện đều bị mất do chiến tranh biên giới năm 1979.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh (2018), *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện một số nội dung công tác dân tộc năm 2017*, Quảng Ninh.
2. Bế Viết Đăng (Chủ biên) (1993), *Những biến đổi về kinh tế - văn hóa ở các tỉnh miền núi phía bắc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Castella và Đặng Đình Quang (Chủ biên) (2002), *Đổi mới ở vùng miền núi: chuyển đổi sử dụng đất và chiến lược sản xuất của nông dân tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Trần Văn Hà (1999), *Các dân tộc Tày, Nùng với tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Diệp Đình Hoa (1993), “Đất đai và huyết thống: vài nhận xét về quyền sở hữu đất rừng qua “chuyện họ Phốc” (YAO PUL PHOK) của người Mnông Gar, tỉnh Đắk Lắk”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2.
6. Tiến Hoàng (2018), “Vụ công ty Núi Tuyết Mẫu Sơn: Lạng Sơn khẳng định đúng”, *Báo Đất Việt*, ngày 15/01/2018.
7. Nguyễn Ngọc Khánh và Nông Quốc Chính (2007), *Tổng quan những vấn đề cơ bản về môi trường vùng Đông Bắc Việt Nam*, in trong Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững vùng Đông Bắc”, Hà Nội, tháng 10/2007.
8. *Luật Đất đai năm 2013*, Nxb Hồng Đức, 2014, Hà Nội.
9. Ngân hàng Thế giới (2009), *Báo cáo đề xuất về hoàn thiện chính sách Nhà nước thu hồi đất và cơ chế chuyển đổi đất đai tự nguyện ở Việt Nam*, Hà Nội.

10. Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Ninh (2017), *Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, tiếp dân giải quyết khiếu nại tố cáo và tranh chấp đất đai*, Quảng Ninh.
11. Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Lạng Sơn (2017), *Biểu tổng hợp kết quả tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai*.
12. Nguyễn Phương Thảo (2018), *Người Việt ở miền núi từ góc nhìn thích ứng văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Tổng cục Thống kê (2009), *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009: Các kết quả chủ yếu* (Tài liệu tham khảo nội bộ), Hà Nội.
14. Đặng Hùng Võ (2008), *Tranh chấp và khiếu kiện kéo dài về đất đai: nguyên nhân từ thực thi pháp luật về đất đai*, trong: Hội thảo “Tình trạng tranh chấp và khiếu nại kéo dài về đất đai hiện nay: thực trạng và giải pháp”, do Văn phòng Quốc hội tổ chức tại Buôn Ma Thuột, từ ngày 8-9/10/2008.
15. Vuong Xuan Tinh and P. Hjemdahl (1996), *A Study of Hmong and Dao Land Management and Land Tenure, Nam Ty Commune, Hoang Su Phi District, Ha Giang Province, Vietnam*, Hanoi, Vietnam - Sweden Mountain Rural Development Programme.
16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), “Hiện trạng rừng tại Việt Nam tính đến 31/12/2019”, <https://www.thiennhien.net/2020/05/12/hien-trang-rung-tai-viet-nam-tinh-den-31-12-2019/>, truy cập ngày 21/3/2021.
17. Chính phủ (2007), *Nghị định: Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai*, [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=25764#:~:text=Ngh%E1%BB%8B%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20s%E1%BB%91%2084%2F2007,khi%E1%BA%BFu%20n%E1%BA%A1i%20v%E1%BB%81%20%C4%91%E1%BA%A5t%20%C4%](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=25764#:~:text=Ngh%E1%BB%8B%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20s%E1%BB%91%2084%2F2007,khi%E1%BA%BFu%20n%E1%BA%A1i%20v%E1%BB%81%20%C4%91%E1%BA%A5t%20%C4%,), truy cập ngày 23/4/2021.
18. Thái Thuần (2017), “Lạng Sơn cần sớm giải quyết vụ tranh chấp đất đai lâm nghiệp ở Lộc Bình”, <https://baotintuc.vn/an-ninh-trat-tu/lang-son-can-som-giai-quyet-vu-tranh-chap-dat-lam-nghiep-o-loc-binh-20170615170300301.htm>, truy cập ngày 11/9/2018.
19. Luật Đất đai năm 2003, http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?mode=detail&document_id=32479, truy cập ngày 21/3/2021.
20. Luật Đất đai năm 1993, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Luat-Dat-dai-1993-24-L-CTN-38481.aspx>, truy cập ngày 22/4/2021.
21. Luật Đất đai của Quốc hội số 3-LCT/HĐNN8, ngày 29/12/1987, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Luat-Dat-dai-1987-3-L-CT-HDNN8-37467.aspx>, truy cập ngày 26/3/2021.